TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 403/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn B, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Giá T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề *ngày 11/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Giá T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quân G, thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyển số 01/2015 ngày 16/01/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy mâu thuẫn, không thể có tiếng nói chung, không tin tưởng

nhau, cuộc sống chung không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không thành. Bà M nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông T được nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Lê Giá Anh T1, sinh ngày 15/6/2015 và Lê Giá Anh K, sinh ngày 12/6/2018. Khi ly hôn bà M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà M rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Giá T vắng mặt tại phiền. Trong quá trình tố tụng ông Lê Giá T có trình bày ý kiến tại Tòa án có nội dung: về quan hệ hôn nhân ông T không đồng ý ly hôn. Về con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn ông T muốn được nuôi hai con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Giá T có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà M yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn sống chung nên bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ. Về con chung hiện đang sống chung với bà M; nguyện vọng của con muốn sống chung với mà M nên bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Giá T nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Giá T có địa chỉ tạm trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Giá T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Giá T là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quân G, thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyển số 01/2015 ngày 16/01/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà M yêu cầu ly hôn với ông T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay bà M không còn tình cảm với ông T. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Lê Giá Anh T1, sinh ngày 15/6/2015 và Lê Giá Anh K, sinh ngày 12/6/2018. Bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì theo nguyện vọng của con và con đang sống chung với bà M. Do đó yêu cầu của bà M là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M tự nguyện rút yêu cầu buộc ông Lê Giá T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Lê Giá T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Lê Giá T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Giá Anh T1, sinh ngày 15/6/2015 và Lê Giá Anh K, sinh ngày 12/6/2018 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng;

- Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Giá T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008261, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm